

Số: /QĐ-UBND

Xuân TrúC, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình
Công trình: Xây dựng lán để xe và một số hạng mục phụ trợ trường THCS
Xuân TrúC**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN TRÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công, xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 10/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn; Số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ các Quyết định của UBND xã Xuân TrúC: Số 36/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng lán để xe và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Xuân TrúC;

Căn cứ biên bản số 254/BB-TCKH ngày 12/10/2024 của phòng Tài chính-Kế hoạch về việc thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành, công trình: Xây dựng lán để xe và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Xuân TrúC;

Xét đề nghị của công chức Tài chính – kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

1. Tên công trình: Xây dựng lán để xe và một số hàng mục phụ trợ trường THCS Xuân Trúc.

2. Chủ đầu tư: UBND xã Xuân Trúc.

3. Địa điểm xây dựng: xã Xuân Trúc, Huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

4. Thời gian khởi công, hoàn thành: 2024.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

DVT: đồng

STT	Nội dung	TMĐT của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Chi phí quyết toán được duyệt
Tổng số (làm tròn)		600.000.000	589.941.000
1	Bồi thường, HT và TĐC		
2	Xây dựng	515.332.000	515.332.000
3	Thiết bị		
4	Quản lý dự án	16.443.000	16.443.000
5	Tư vấn	54.746.000	54.476.000
6	Chi phí khác	9.641.000	3.420.000
7	Dự phòng	3.838.000	

2. Vốn đầu tư

DVT: đồng

Nguồn vốn	TMĐT của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2			4	5=3-4

Tổng số (làm tròn)	600.000.000	589.941.000	586.521.000	3.420.000	
Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	600.000.000	589.941.000	586.521.000	3.420.000	

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.

DVT: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có)		Đơn vị khác quản lý (nếu có)	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số	589.941.000			
1. Tài sản cố định	589.941.000			
2. Tài sản lưu động				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

5. Vật tư thiết bị tồn đọng (nếu có)

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

DVT: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	589.941.000	
Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	589.941.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến thời điểm quyết toán

Tổng số vốn đã thanh toán: 586.521.000 **đồng**.

Số nợ phải trả: **3.420.000 đồng**.

Số nợ phải thu: **0 đồng**.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

DVT: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
UBND xã Xuân Trúc	589.941.000	

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Giá trị đầu tư công trình được phê duyệt quyết toán làm căn cứ để chủ đầu tư và đơn vị nhận bàn giao sử dụng ghi sổ và hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành.

- Giá trị tài sản được phê duyệt làm căn cứ để chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền bố trí đủ vốn để trả nợ khối lượng hoàn thành đã quyết toán.

Điều 5. Công chức văn phòng – thống kê, cán bộ, công chức xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Như điều 5;
- Lưu: VP, HSCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Đắc Quý

PHỤ LỤC CHI PHÍ ĐẦU TƯ

(Kèm theo quyết định số 442 /QĐ-UBND ngày 15/ 11/2024 của UBND xã Xuân Trú)

Stt	Chi phí	Giá trị dự toán được duyệt (lần cuối)	Giá trị quyết toán
I	CHI PHÍ GPMB		
I	GIÁ TRỊ XÂY DỰNG	515.332.000	515.332.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	16.443.000	16.443.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	54.746.000	54.746.000
1	Chi phí khảo sát địa chất	0	33.497.000
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	33.497.000	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ TC	2.160.000	4.320.000
4	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	2.160.000	
5	Chi phí lập HSMT đánh giá HSDT thi công XD	0	0
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	16.929.000	16.929.000
7	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC	0	0
8	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	0	
IV	CHI PHÍ KHÁC	9.641.000	3.420.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0	-
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	3.420.000	3.420.000
3	Chi phí kiểm toán độc lập	6.221.000	0
V	DỰ PHÒNG PHÍ	3.838.000	-
1	Dự phòng phát sinh khối lượng	3.838.000	-
Tổng cộng		600.000.000	589.941.000
Làm tròn		600.000.000	589.941.000